

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG**

**DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG**

**Địa chỉ: Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, xã Cây Trường II,  
huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.**

**Điện thoại: 0650.3586039**

**Fax: 0650.3586082**

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐỆ NHẤT**

**Địa chỉ: Số 9, Hoàng Văn Thụ, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**

**Điện thoại: 0650. 3832614**

**Fax: 0650. 3832615**

## MỤC LỤC

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	3
1. Doanh nghiệp cổ phần hóa .....	3
2. Ngành nghề kinh doanh.....	3
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu: .....	3
4. Vốn điều lệ sau đợt bán đấu giá.....	3
5. Cổ phần chào bán ra công chúng và giá khởi điểm .....	3
6. Số lượng cổ phần tối thiểu, tối đa của mỗi tổ chức, cá nhân được đăng ký	4
7. Tổ chức tư vấn bán đấu giá.....	4
II. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	4
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ ĐỊNH NGHĨA CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	6
IV. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	6
1. Thông tin doanh nghiệp.....	6
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	6
3. Ngành nghề kinh doanh.....	7
4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	7
5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....	7
6. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp .....	8
7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	10
8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa .....	13
9. Phân tích SWOT.....	15
10. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.....	16
11. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	17
12. Các rủi ro dự kiến .....	18
13. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần.....	20

**I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ**

**1. Doanh nghiệp cổ phần hóa**

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CAO SU BÌNH DƯƠNG**

Tên tiếng Anh: BINH DUONG RUBBER COMPANY

Địa chỉ: Đường ĐT 750, Ấp Ông Thanh, xã Cây Trường II, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : (0650) 586039

Fax : (0650) 586082

Mã số thuế : 3700248731

**2. Ngành nghề kinh doanh**

- Trồng và khai thác các loại cây công nghiệp và lâm nghiệp;
- Xuất khẩu các sản phẩm cao su;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ Nông nghiệp.
- Chế biến các sản phẩm cao su.

**3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu:**

Thành phẩm cao su các loại.

**4. Vốn điều lệ sau đợt bán đầu giá**

- Vốn điều lệ : 130.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần : 13.000.000 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/01 cổ phần

Bảng dự kiến cơ cấu cổ đông của Công ty sau khi cổ phần hóa:

STT	ĐỐI TƯỢNG	TỶ LỆ/VĐL	SỐ CỔ PHẦN
1	Nhà nước nắm giữ	75%	9.750.000
2	Bán ưu đãi cho CBCNV	1.13%	146.700
3	Bán cho cổ đông bên ngoài công ty	23.87%	3.103.300
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>100%</b>	<b>13.000.000</b>

**5. Cổ phần chào bán ra công chúng và giá khởi điểm**

- Vốn điều lệ : 130.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần : 13.000.000 cổ phần

- Mệnh giá : 10.000 đồng/01 cổ phần
  - Số cổ phần bán đấu giá : 3.103.300 cổ phần
  - Giá khởi điểm : 10.100 đồng/01 cổ phần
  - Bước giá : 100 đồng
  - Số mức giá : 1 mức giá
  - Bước khối lượng : 1 cổ phần.
6. **Số lượng cổ phần tối thiểu, tối đa của mỗi tổ chức, cá nhân được đăng ký**
- Số lượng cổ phần đặt mua tối thiểu: 100 cổ phần.
  - Số lượng cổ phần đặt mua tối đa với cá nhân và tổ chức trong nước: 3.103.300 cổ phần.
  - Số lượng cổ phần đặt mua tối đa với cá nhân và tổ chức nước ngoài: 3.103.300 cổ phần.
  - Số lượng cổ phần đặt mua phải bằng hoặc thấp hơn số lượng cổ phần đăng ký.
7. **Tổ chức tư vấn bán đấu giá**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐỆ NHẤT**

- **Văn phòng chính**  
9 Hoàng Văn Thụ, Khu đô thị Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương  
Tel. (84-650) 3833280 Fax. (84-650) 3832616 Email. ctydenhat@hcm.vnn.vn
- **Chi nhánh TP. HCM**  
521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh  
Tel. (84-8) 38537923 Fax. (84-8) 38537932 Email.chungkhoandenhat@vnn.vn
- **Chi nhánh Hà Nội**  
Lầu 3, 81-83 Phố Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, TP.  
Hà Nội  
Tel. (84-4) 39728302 Fax (84-4) 39728301

**II. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ**

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh

nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Nghị định 189/2013-NĐ-CP ngày 20/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Quyết định số 4691/QĐ-UBND ngày 30/10/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc chuyển Nông trường Cây Trường thành Công ty TNHH MTV Cao su Bình Dương;

- Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 27/08/2013 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu về vốn của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Dương cho Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV (BECAMEX IDC);

- Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bình Dương thuộc Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV (BECAMEX IDC);

- Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Bình Dương;

- Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cao su Bình Dương thuộc Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV thành công ty cổ phần.

### III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ ĐỊNH NGHĨA CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Giải nghĩa</b>
<i>Công ty</i>	Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương
<i>TNHH MTV</i>	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
<i>CBCNV</i>	Cán bộ công nhân viên
<i>Doanh nghiệp cổ phần</i>	Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương
<i>Tổ chức tư vấn</i>	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Đệ Nhất (FSC)
<i>Điều lệ</i>	Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cao Su Bình Dương
<i>CP</i>	Cổ phần
<i>VĐL</i>	Vốn điều lệ
<i>GCN QSDĐ</i>	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

### IV. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

#### 1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BÌNH DƯƠNG
- Tên tiếng Anh: BINH DUONG RUBBER JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: BDR
- Địa chỉ: Đường ĐT750, Ấp Ông Thanh, Xã Cây Trường II, huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0650.3586038
- Fax: 0650.3586082
- Email: [caosubinhduong@gmail.com](mailto:caosubinhduong@gmail.com)
- Website: [caosubinhduong.com.vn](http://caosubinhduong.com.vn)
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Trồng và khai thác các loại cây công nghiệp và lâm nghiệp;
  - Kinh doanh dịch vụ phục vụ nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
  - Xuất khẩu các sản phẩm cao su;
  - Chế biến các sản phẩm cao su;
  - Đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, đầu tư kinh doanh bất động sản;

#### 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Công ty TNHH MTV Cao su Bình Dương, tiền thân là Nông trường Cây Trường là một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo quyết định 135/QĐ-UB ngày 12/04/1977 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Sông Bé. Năm 1992 căn cứ Nghị định

388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, Nông trường được thành lập lại theo Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 15/10/1992 của UBND tỉnh Sông Bé .

- Năm 1997 sau khi tách tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương có Quyết định số 328/ QĐ-UB ngày 04/02/1997 về việc đổi tên Nông trường Cây Trường tỉnh Sông Bé thành Nông trường Cây Trường tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ quyết định số 4691/QĐ-UBND ngày 30/10/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc chuyển Nông trường Cây Trường thành Công ty TNHH MTV cao su Bình Dương.

- Căn cứ Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 27/08/2013 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu về vốn của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Dương cho Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV Becamex IDC.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700248731 do Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 19/09/2014.

- Trụ sở chính đặt tại: Đường ĐT 750, xã Cây Trường, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3586039-3586038-3586338

Fax: 0650.3586082

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Trồng và khai thác các loại cây công nghiệp và lâm nghiệp;
- Xuất khẩu các sản phẩm cao su;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ Nông nghiệp.
- Chế biến các sản phẩm cao su.

### **4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu**

Thành phẩm cao su các loại.

### **5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần**

Số lao động có tên trong danh sách thường xuyên tại thời điểm cổ phần hóa ngày 30/06/2014 là 202 người. Trong đó:

- Phân theo giới tính:
  - Số lao động nam: 118 người
  - Số lao động nữ: 84 người
- Phân theo trình độ:

- Số lao động có trình độ đại học và trên đại học: 09 người
- Số lao động có bằng trung cấp và cao đẳng: 12 người
- Số lao động là công nhân kỹ thuật và sơ cấp: 08 người
- Số lao động qua đào tạo ngắn hạn: 155 người.
- Số lao động chưa qua đào tạo: 18 người.
- o Phân theo hợp đồng lao động:
  - Lao động không thuộc đối tượng ký HĐLĐ: 04 người
  - Lao động không xác định thời hạn: 52 người.
  - Lao động hợp đồng có thời hạn: 21 người.
  - Lao động thời vụ: 125 người.

**Phương án sắp xếp lại lao động:**

- o Số lao động có tên trong danh sách thường xuyên ở thời điểm 30/06/2014: 202 người
  - o Số lao động tiếp tục sử dụng: 199 người
  - o Số lao động dôi dư và phương án giải quyết theo từng đối tượng (bao gồm cả phương án đào tạo lại lao động dôi dư để bố trí việc làm mới trong công ty cổ phần): 03 người
  - o Số lao động nêu trên nghỉ hưu theo chế độ và được thực hiện kể từ ngày 01/07/2014 đến 31/12/2014.

**6. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp**

**Giá trị thực tế doanh nghiệp:**

- Giá trị thực tế doanh nghiệp theo sổ sách: **159.034.782.577** đồng
- Giá trị thực tế doanh nghiệp đánh giá lại: **226.944.248.390** đồng (tăng 67.909.465.813 đồng so với giá trị sổ sách).
- Giá trị vốn Nhà nước theo sổ sách: **34.542.346.239** đồng
- Giá trị vốn nhà nước theo đánh giá lại: **102.451.812.052** đồng (tăng 67.909.465.813 đồng so với giá trị vốn Nhà nước theo sổ sách).



**Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng đến ngày 30/06/2014:**

<b>Stt</b>	<b>Đất đai, nhà xưởng</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Diện tích (ha)</b>
1	Đất trồng cao su	Xã Cây Trường & xã Trừ Văn Thố, H.Bàu Bàng, Bình Dương	1.074,48
2	Đất trồng rừng	Xã Cây Trường, H.Bàu Bàng, Bình Dương	22,93
3	Đất văn phòng+Nhà máy	Xã Cây Trường, H.Bàu Bàng, Bình Dương	3,22
4	Đất đường lô	Xã Cây Trường & xã Trừ Văn Thố, H.Bàu Bàng, Bình Dương	65,51
5	Đất hành lang	Xã Cây Trường & xã Trừ Văn Thố, H.Bàu Bàng, Bình Dương	3,24
6	Đất trồng cây nông nghiệp lâu năm	Xã Cây Trường, H.Bàu Bàng, Bình Dương	7,69
7	Diện tích Nhà nước quản lý ( <i>Kênh Phước Hòa – Dầu Tiếng</i> )	Xã Cây Trường & xã Trừ Văn Thố, H.Bàu Bàng, Bình Dương	36,5
		<b>Tổng cộng:</b>	<b>1.213,58</b>

Trên cơ sở quyết định số 4290/UBND/KTN ngày 05/12/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án sử dụng đất để thực hiện cổ phần hóa, Công ty đã chọn hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.

**7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp**

**❖ Tài sản**

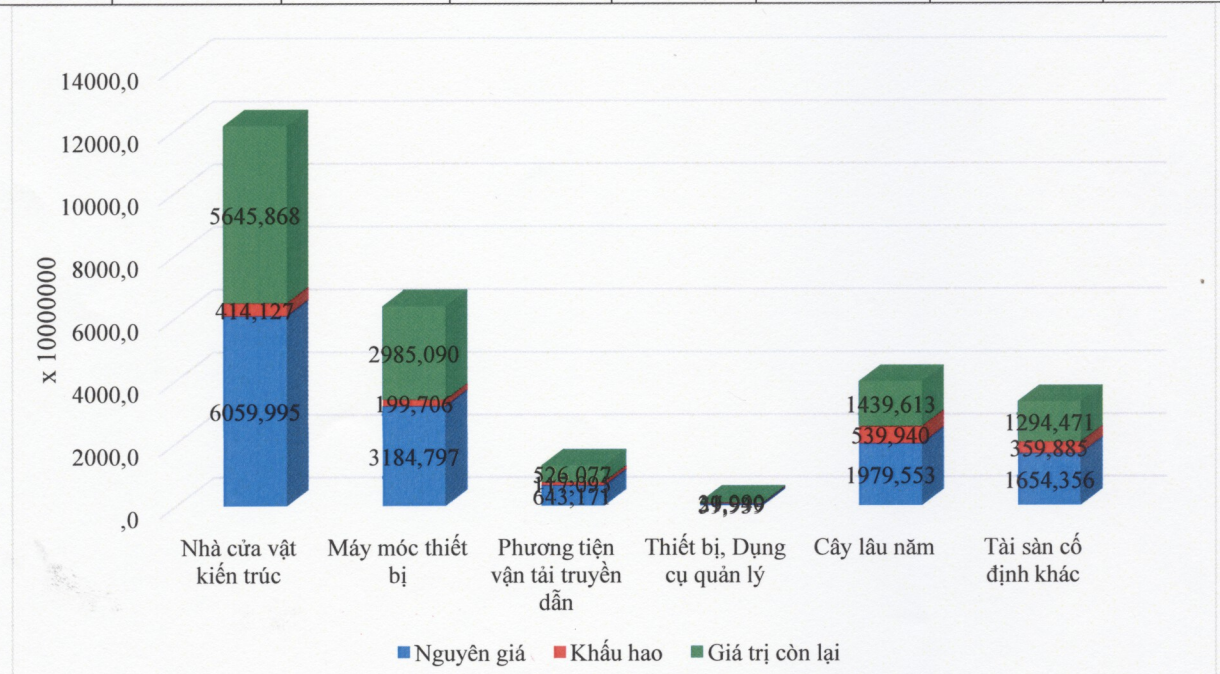
Stt	Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách kế toán			Giá trị thực tế			Chênh lệch	
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	Nguyên giá xác định lại	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
	1	2	3	4=2-3	5	6	7	8=5-1	9=7-3
A	<b>TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)</b>	175,621,809,619	16,587,027,042	159,034,782,577	285,034,862,671		226,944,248,390	109.413.053.053	67,909,465,813
I	<b>Tài sản dài hạn</b>	136,780,523,343	16,587,027,042	120,193,496,301	238,638,123,554		181,088,011,777	101.857.600.211	60,894,515,476
1	<b>Tài sản cố định</b>	136,780,523,343	16,587,027,042	120,193,496,301	238,638,123,554		181,088,011,777	101.857.600.211	60,894,515,476
1.1	TSCĐ hữu hình	135,818,118,257	16,587,027,042	119,231,091,215	207,970,989,880		150,420,878,103	72,152,871,623	31,189,786,888
-	Nhà cửa vật kiến trúc	60,599,953,410	4,141,268,913	56,458,684,497	64,043,344,774		59,912,592,055	3.443.391.364	3.453.907.558
-	Vườn cây cao su kinh doanh	19,795,529,369	5,399,402,095	14,396,127,274	46,785,048,800		29,838,716,521	26,989,519,431	15,442,589,247
-	Vườn cây cao su khoán công đoạn	-	-	-	36,106,506,800		7,100,809,304	36,106,506,800	7,100,809,304
-	Rừng trồng	-	-	-	3,710,440,880		3,710,440,880	3,710,440,880	3,710,440,880
-	Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	55.422.635.478	7.076.356.034	48.376.279.444	57.325.648.626		49.858.319.343	1.903.013.148	1.482.039.899
1.2	Tài sản vô hình	-	-	-	28,981,304,296		28,981,304,296	28,981,304,296	28,981,304,296
-	Giá trị thanh lý vườn cây cao su trong tương lai do các đội quản lý	-	-	-	17,374,232,335	-	17,374,232,335	17,374,232,335	17,374,232,335
-	Giá trị thanh lý vườn cây cao su trong tương lai (vườn khoán công đoạn)	-	-	-	11,607,071,961	-	11,607,071,961	11,607,071,961	11,607,071,961
1.3	Chi phí XD CB dở dang	962,405,086		962,405,086	1,685,829,378		1,685,829,378	723,424,292	723,424,292
2	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-	-	-		-	-	-
3	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	-	-	-	-		-	-	-

## Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương

4	Tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-	-	-
II	Tài sản ngắn hạn	38,841,286,276	-	38,841,286,276	40,060,438,633	39,519,936,128	1,219,152,357	678,649,852
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	11,371,535,788	-	11,371,535,788	11,371,537,506	11,371,537,506	1,718	1,718
-	Tiền	11,371,535,788		11,371,535,788	11,371,537,506	11,371,537,506	1,718	1,718
-	Các khoản tương đương tiền	-		-	-	-	-	-
2	Các khoản phải thu	20,122,507,305	-	20,122,507,305	20,122,507,305	20,122,507,305	-	-
-	Phải thu khách hàng	201,600,000		201,600,000	201,600,000	201,600,000	-	-
-	Trả trước cho người bán	8,445,947,908		8,445,947,908	8,445,947,908	8,445,947,908	-	-
-	Các khoản phải thu khác	11,474,959,397		11,474,959,397	11,474,959,397	11,474,959,397	-	-
3	Hàng tồn kho	4,876,968,931	-	4,876,968,931	4,876,968,931	4,876,968,931	-	-
-	Hàng tồn kho	4,876,968,931		4,876,968,931	4,876,968,931	4,876,968,931	-	-
-	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho						-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	2,470,274,252	-	2,470,274,252	3,689,424,891	3,148,922,386	1,219,150,639	678,648,134
-	Chi phí trả trước ngắn hạn	1,812,903,426		1,812,903,426	3,032,054,065	2,491,551,560	1,219,150,639	678,648,134
-	Thuế GTGT được khấu trừ	200,928		200,928	200,928	200,928	-	-
-	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	-		-	-	-	-	-
-	Tài sản ngắn hạn khác	657,169,898		657,169,898	657,169,898	657,169,898	-	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của DN				6,336,300,485	6,336,300,485	6,336,300,485	6,336,300,485
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DỪNG	-	-	-	-	-	-	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-	-	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KT-PL	-	-	-	-	-	-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+B+C+D)</b>	<b>175,621,809,619</b>	<b>16,587,027,042</b>	<b>159,034,782,577</b>	<b>285,034,862,671</b>	<b>226,944,248,390</b>	<b>109.413.053.053</b>	<b>67,909,465,813</b>

**Chi tiết Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, Dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>							
1. Tại ngày 01/01/2014	26.337.769.807	22.957.987.844	5.779.542.509	599.392.700	16.836.966.067	6.712.153.180	79.223.812.107
2. Tăng trong kỳ	34.262.183.603	8.889.978.591	652.171.742	-	2.958.563.302	9.831.408.912	56.594.306.150
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	34.218.838.380	8.889.978.591	652.171.742		2.958.563.302	9.820.408.912	56.539.960.927
<i>Tăng khác</i>	43.345.223	-	-	-	-	11.000.000	54.345.223
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
<b>4. Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>60.599.953.410</b>	<b>31.847.966.435</b>	<b>6.431.714.251</b>	<b>599.392.700</b>	<b>19.795.529.369</b>	<b>16.543.562.092</b>	<b>135.818.118.257</b>
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>							
1. Tại ngày 01/01/2014	3.400.178.885	1.215.239.179	1.008.711.754	239.475.117	4.850.042.118	3.093.055.269	13.806.702.322
2. Tăng trong kỳ	741.090.028	781.824.454	162.236.436	40.018.242	549.359.977	505.795.583	2.780.324.720
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	741.090.028	781.824.454	162.236.436	40.018.242	549.359.977	505.795.583	2.780.324.720
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
<b>4. Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>4.141.268.913</b>	<b>1.997.063.633</b>	<b>1.170.948.190</b>	<b>279.493.359</b>	<b>5.399.402.095</b>	<b>3.598.850.852</b>	<b>16.587.027.042</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
1. Tại ngày 01/01/2014	22.937.590.922	21.742.748.665	4.770.830.755	359.917.583	11.986.923.949	3.619.097.911	65.417.109.785
<b>2. Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>56.458.684.497</b>	<b>29.850.902.802</b>	<b>5.260.766.061</b>	<b>319.899.341</b>	<b>14.396.127.274</b>	<b>12.944.711.240</b>	<b>119.231.091.215</b>
<b>Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</b>							
Tại ngày 01/01/2014	77.750.000	-	765.357.100	86.662.700	-	302.738.300	1.232.508.100
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>77.750.000</b>	<b>-</b>	<b>765.357.100</b>	<b>86.662.700</b>	<b>-</b>	<b>302.738.300</b>	<b>1.232.508.100</b>



**Cơ cấu TSCĐ tại ngày 30/06/2014**

**❖ Tài chính & Công nợ**

Tính đến thời điểm 30/06/2014, toàn bộ tài sản của Công ty theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp là **226.944.248.390** đồng, trong đó, cơ cấu như sau:

- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn: 39.519.936.128 đồng (17.41%)

*Trong đó:*

- Tiền mặt tại quỹ: 5.722.439.000 đồng
- Tiền gửi ngân hàng: 5.649.098.506 đồng
- Các khoản phải thu: 20.122.507.305 đồng
- Vật tư hàng hóa tồn kho: 4.876.968.931 đồng
- Tài sản lưu động khác: 3.148.922.386 đồng

- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn: 181.088.011.777 đồng (79.79%)

*Trong đó:*

- Tài sản cố định: 181.088.011.777 đồng
- Các khoản đầu tư dài hạn: 0 đồng

- Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp: 6.336.300.485 đồng (2.8%)

Nợ phải trả: 124.492.436.338 đồng

**8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa**

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	30/06/2014
1	Vốn kinh doanh	56.904.265.679	136.666.615.580	172.886.474.339	159.034.782.578
2	Tổng doanh thu	58.069.513.361	66.370.982.929	156.628.342.283	58.404.989.315
3	Tổng chi phí	26.759.654.248	56.564.304.994	156.314.795.151	74.603.794.773
4	Lợi nhuận trước thuế	31.309.859.113	9.806.677.935	313.547.132	(16.198.805.458)
5	Lợi nhuận sau thuế	25.830.633.768	8.063.925.480	218.123.604	(16.556.290.130)
6	Tổng số lao động	210	208	207	202
7	Thu nhập bình quân người/tháng	12.000.000	12.500.000	10.500.000	8.500.000
8	Các khoản phải nộp cho ngân sách:	<b>7.282.254.865</b>	<b>5.422.224.310</b>	<b>4.873.527.055</b>	<b>4.084.322.997</b>
	- Thuế VAT		1.719.288.000	2.804.705.592	2.460.324.477
	- Thuế môn bài	2.000.000	2.000.000	2.000.000	3.000.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.372.494.105	1.742.752.455	95.423.528	357.484.672

## Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương

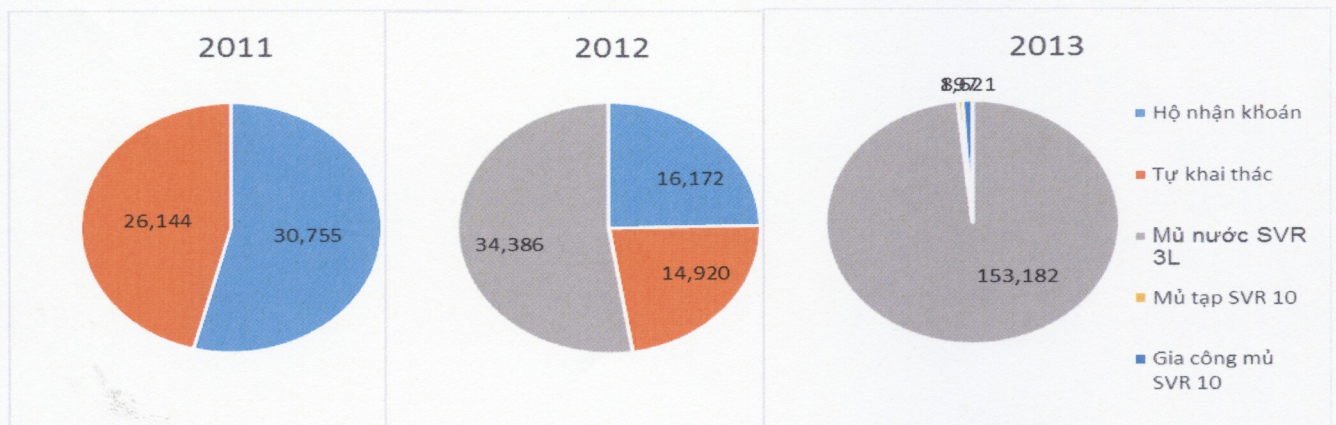
	- Thuế đất	1.850.363.872	1.850.363.800	1.850.363.800	1.253.651.330
	- Thuế TNCN	57.396.888	100.053.245	112.780.806	9.862.518
	- Các khoản phí, lệ phí		7.766.810	8.253.329	
9	Nợ phải trả	12.784.669.679	85.190.707.404	123.158.449.143	124.492.436.338
10	Các khoản phải thu	14.135.235.399	27.550.932.880	31.054.775.271	20.122.507.305
	Trong đó: Nợ khó đòi	0	0	0	0

### Bảng Cơ cấu doanh thu năm 2011 – 2013

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tiêu chí	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu cao su chưa qua chế biến	56,899	100%	31,093	47.5%		
	- Hộ nhận khoán	30,755	54.1%	16,172	24.7%		
	- Tự khai thác	26,144	45.9%	14,920	22.8%		
2	Doanh thu cao su qua chế biến			34,386	52.5%	154,079	99.0%
	- Mủ nước SVR 3L			34,386	52.5%	153,182	98.4%
	- Mủ tạp SVR 10					897	0.6%
3	Doanh thu gia công mủ SVR 10					1,621	1.0%
	<b>Tổng doanh thu thuần</b>	56,899	100%	65,479	100%	155,700	100%

(Nguồn : BCTC Kiểm toán năm 2011, 2012 và 2013)



Biểu đồ cơ cấu doanh thu trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

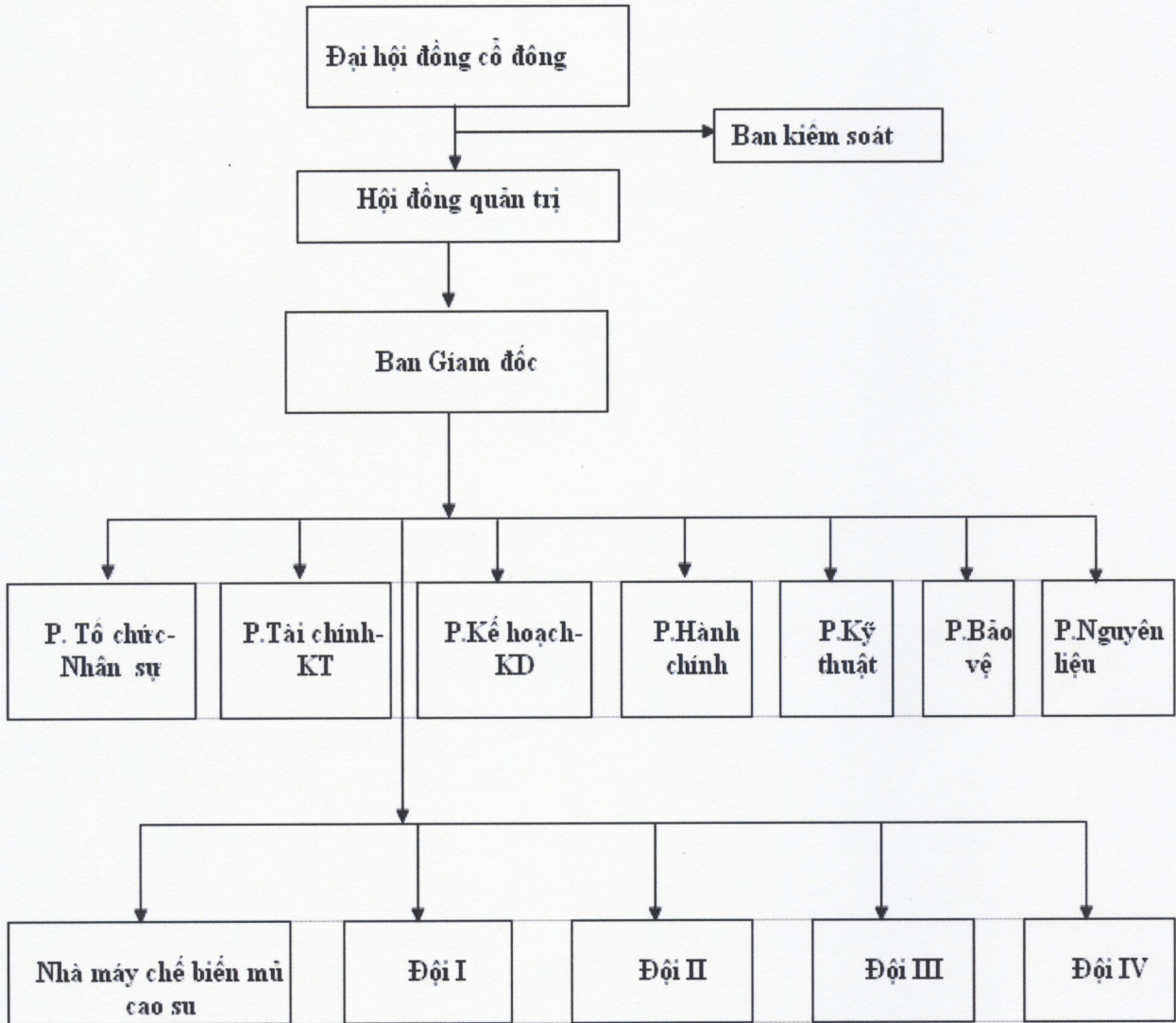
**9. Phân tích SWOT**

<b>Thế mạnh (S)</b>	<b>Điểm yếu (W)</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Với khí hậu và thổ nhưỡng phù hợp, vườn cây cao su của Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Dương cho năng suất khá cao, sản lượng ổn định và chất lượng mù tốt. Đồng thời, Song song với diện tích vườn cây cao su đang khai thác hiện nay, Công ty sẽ phát triển thêm vườn cây cao su sau quá trình cổ phần hóa thông qua trồng mới với diện tích từ 1.000ha đến 2.000ha trong giai đoạn 2015-2016 tại địa bàn tỉnh Bình Phước để phục vụ cho nhà máy chế biến mù cao su của Công ty.</li> <li>- Đội ngũ lãnh đạo có thâm niên trong ngành, cơ cấu quản lý nhanh gọn hiệu quả so với các công ty cùng ngành</li> <li>- Ngành cao su Việt Nam hiện đang có tốc độ phát triển nhanh, và là một trong những ngành có giá trị xuất khẩu cao của nước ta. Hiện nay, Việt Nam tiếp tục giữ vị trí thứ ba thế giới về sản lượng và thứ tư về giá trị xuất khẩu cao su thiên nhiên và đã tham gia vào Hiệp hội Các nước Sản xuất Cao su Thiên nhiên (ANRPC)</li> <li>- Ngành cao su Việt Nam hiện nay còn nhiều tiềm năng phát triển, mới chỉ có khoảng hơn 60% diện tích cao su được đưa vào khai thác. Ngoài ra hiện nay nhiều doanh nghiệp của Việt Nam đã tích cực đầu tư trồng cao su bên các nước Lào và Campuchia.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích khai thác cao su của công ty hiện nay là tương đối nhỏ so với các công ty khác cùng ngành</li> <li>- Sản phẩm chưa đa dạng chủng loại nên dễ bị ép giá khi xuất khẩu .</li> <li>- Ngành cao su là một ngành chịu nhiều ảnh hưởng của thời tiết, trong những năm gần đây đã có nhiều trận mưa bão làm hư hại rất nhiều diện tích trồng cao su của nước ta.</li> <li>- Tuy Việt Nam nằm trong top 3 nước có sản lượng cao su lớn nhất thế giới nhưng nếu đem so sánh với Thái lan hay Indonesia thì sự chênh lệch vẫn còn khá lớn vì sản lượng của nước ta chỉ vào khoảng 1 triệu tấn/năm</li> <li>- Kim ngạch xuất khẩu cao su qua các năm là tăng cao nhưng nếu xét về sản lượng thì lại tăng không cao, ngoài ra hiện nay các nước như Trung Quốc, Brazil cũng đang tăng diện tích trồng cao su và sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt.</li> <li>- Một trong những điểm yếu của ngành cao su nước ta đó là chất lượng. Hiện nay một số nhà máy chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.</li> </ul>
<b>Cơ hội (O)</b>	<b>Thách thức (T)</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự hồi phục kinh tế kéo theo sự gia tăng giá dầu thô, cùng với sự phục hồi của thị trường ô tô thế giới hứa hẹn mang lại nhiều cơ hội cho ngành cao su tự nhiên nói chung và Cao Su Bình Dương nói riêng.</li> <li>- Sản phẩm thay thế cao su tự nhiên là cao su tổng hợp sử dụng dầu mỏ để sản xuất mà trữ lượng dầu ngày càng giảm và không phải là vô hạn do đó cao su tự nhiên ngày càng có nhiều cơ hội phát triển hơn. Ngoài ra, dầu mỏ là nguyên liệu dùng trong hầu hết các ngành công nghiệp nguồn cung chủ yếu bởi APEC nên khi nền kinh tế phục hồi phát triển thì nhu cầu dầu mỏ tăng dẫn đến giá dầu tăng làm cho giá thành cao su tổng hợp cao hơn; Đây là cơ hội cạnh tranh cho cao su tự nhiên</li> <li>- Ngành công nghiệp sản lốp ô tô là ngành tiêu thụ chủ yếu sản phẩm cao su tự nhiên. Hàng năm ngành công nghiệp sản lốp ô tô toàn cầu tiêu thụ khoảng 50% sản lượng cao su. Thị trường ô tô đã phát triển mạnh không chỉ ở các các cường quốc lâu đời về ô tô như Nhật, Mỹ, Đức mà còn ở các nước đang phát triển như Hàn Quốc, Trung Quốc, các nước Đông Nam Á. Đáng kể nhất là hai cường quốc Trung Quốc và Ấn Độ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá cả phụ thuộc vào thị trường thế giới với nhiều biến động, muốn mở rộng thị trường xuất khẩu sẽ gặp nhiều sự cạnh tranh từ nhiều Công ty của các cường quốc cao su khác như : Thái Lan, Indo, Malaysia,...</li> <li>- Thời tiết bất thường ngày càng gia tăng ảnh hưởng đến năng suất vườn cây có thể làm sụt giảm kết quả kinh doanh. Tuy khí hậu Việt Nam khá phù hợp với cây cao su nhưng vào mùa khô gây khó khăn về nước tưới, mùa mưa bão gây khó khăn về khai thác lấy mù và gây thiệt hại (gây đổ...);</li> <li>- Sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc của các doanh nghiệp xuất khẩu cao su Việt Nam</li> <li>- Diện tích đất thích hợp để có thể trồng cao su không nhiều và ngày càng bị thu hẹp, do đó cần có hướng phát triển, hiện nay một số doanh nghiệp lớn đã tiến hành trồng cao su ở các nước Lào và Campuchia, đây là một giải pháp rất tốt để nâng cao sản lượng cao su Việt Nam hiện nay.</li> </ul>

**10. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa**

❖ Về cơ cấu tổ chức

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BÌNH DƯƠNG**



❖ Về phương án SXKD:

- Song song với diện tích vườn cây cao su đang khai thác hiện nay, công ty sẽ phát triển thêm vườn cây cao su thông qua trồng mới với diện tích từ 1.000ha đến 2.000ha trong giai đoạn 2015-2016 tại địa bàn tỉnh Bình Phước để phục vụ cho nhà máy chế biến mủ cao su của Công ty.

- Sau cổ phần hóa, công ty dự kiến bổ sung ngành nghề kinh doanh mới là đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, đầu tư kinh doanh bất động sản.



- Trên cơ sở ngành nghề kinh doanh mới sẽ được bổ sung sau cổ phần hóa, Công ty sẽ chuyên đổi công năng sử dụng đất một phần cho phù hợp phát triển công nghiệp, dịch vụ, bất động sản trong tương lai (phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh Bình Dương và huyện Bàu Bàng). Với lợi thế là công ty con của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Becamex IDC – có thế mạnh về đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp, dịch vụ và đô thị. Công ty cao su Bình Dương sẽ được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ công ty mẹ trong việc mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa nhằm mang lại hiệu quả cao cho cổ đông trong thời gian tới

❖ **Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa:**

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch (triệu đồng)			
		Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Vốn điều lệ	130.000	130.000	130.000	130.000
2	Tổng doanh thu	165.740	169.054	175.816	184.607
3	Tổng chi phí	165.082	167.383	173.618	181.873
	<i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>151.332</i>	<i>153.224</i>	<i>159.376</i>	<i>167.595</i>
	<i>Chi phí SXKD</i>				
	- <i>Chi phí bán hàng</i>	<i>203</i>	<i>213</i>	<i>224</i>	<i>235</i>
	- <i>Chi phí quản lý DN</i>	<i>9.563</i>	<i>10.041</i>	<i>10.192</i>	<i>10.294</i>
	- <i>Chi phí hoạt động tài chính</i>	<i>3.984</i>	<i>3.904</i>	<i>3.826</i>	<i>3.750</i>
4	Lợi nhuận HĐKD trước thuế	658	1.671	2.198	2.734
5	Thuế TNDN (22%)	145	368	484	601
6	Lợi nhuận ròng sau thuế	513	1.303	1.714	2.133
7	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	0,39	1	1,32	1,64

### 11. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Căn cứ vào Điều 04 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV thực hiện phương án cổ phần hóa là kết hợp vừa bán một

phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và nhà nước nắm giữ 75% vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của công ty cổ phần tại thời điểm thành lập được xác định (dự kiến) là: 130.000.000.000 đồng.

Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng.

Số lượng cổ phần: 13.000.000 cổ phần

Giá khởi điểm: **10.100** đồng/01 cổ phần.

**TỶ LỆ CỔ PHẦN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG**

STT	ĐỐI TƯỢNG	TỶ LỆ/VĐL	SỐ CỔ PHẦN
1	Nhà nước nắm giữ	75%	9.750.000
2	Bán ưu đãi cho CBCNV	1.13%	146.700
3	Bán cho cổ đông bên ngoài công ty	23.87%	3.103.300
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>100%</b>	<b>13.000.000</b>

Trên cơ sở quy định tại Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 06/03/2014 của Chính phủ và Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ, trong vòng 90 ngày kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, Công ty cổ phần Cao su Bình Dương sẽ hoàn tất thủ tục:

- Đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch UPCOM.

Sau cổ phần hóa, phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Cao su Bình Dương sẽ dần thoái vốn theo lộ trình.

**12. Các rủi ro dự kiến**

**12.1 Rủi ro về kinh tế**

Có thể nói trong giai đoạn hiện nay rủi ro kinh tế là một trong những vấn đề nổi cộm và được quan tâm nhiều nhất. Trong bối cảnh kinh tế nói chung và Việt Nam nói riêng đã và đang trải qua thời kỳ khủng hoảng kinh tế hết sức tồi tệ, tất cả các thành phần kinh tế đều chịu tác động theo những mức độ khác nhau. Rủi ro kinh tế được nhắc đến rất nhiều vào giai đoạn năm 2008 cũng như hiện nay. Cuộc khủng hoảng mà cả thế giới đã và đang trải qua cho thấy rủi ro kinh tế là loại rủi ro rất nguy hiểm và khó chống đỡ, trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế như hiện

nay. Một khi khủng hoảng đã xảy ra, hầu hết các doanh nghiệp đều không tránh khỏi rủi ro bị ảnh hưởng.

Là doanh nghiệp sản xuất Công ty TNHH MTV Cao su Bình Dương cũng không tránh khỏi ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng. Những tác động tiêu cực này thể hiện rất rõ nét vào hoạt động kinh doanh của Công ty ở giai đoạn khủng hoảng.

### **12.2 Rủi ro về luật pháp**

Là Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp khi niêm yết cổ phiếu trên TTGDCK, bất kỳ sự thay đổi nào về các quy định pháp luật liên quan và các quy định đặc thù của ngành đều tác động nhiều đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

### **12.3 Rủi ro đặc thù**

#### **❖ Rủi ro về giá**

Mặc dù Việt Nam là nước có diện tích trồng cao su và sản lượng cao su xuất khẩu lớn thứ 4 thế giới nhưng vẫn bị phụ thuộc rất nhiều vào giá cao su thiên nhiên trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam chủ yếu xuất qua Trung Quốc, Asean, Ấn Độ. Riêng xuất sang Trung Quốc chiếm đến gần 50% tổng lượng xuất khẩu. Vì vậy một rủi ro tiềm tàng là Việt Nam dễ dàng bị ép giá bán, nếu Trung Quốc giảm nhập khẩu mặt hàng này, sao đó bổ sung bằng nguồn sản xuất từ bản địa và việc sản lượng cao su thiên nhiên thế giới dư cung hiện nay thì ngành cao su Việt Nam bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tuy nhiên, cao su thiên nhiên được dùng để sản xuất lốp ô tô với tỷ trọng chiếm đến 68% nhu cầu tiêu thụ nên việc ngành ô tô tăng trưởng là yếu tố tích cực cho giá cao su.

#### **❖ Rủi ro về tỷ giá**

Hiện nay các sản phẩm của Công ty không chỉ đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước mà còn xuất khẩu sang các nước khác, do đó rủi ro tỷ giá tác động trực tiếp đến doanh thu của Công ty hiện tại. Bên cạnh đó, phần lớn các trang thiết bị, máy móc hiện đại của Công ty đều có khả năng nhập khẩu từ các nước phát triển thì những biến động về tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ mạnh (đặc biệt là Đôla Mỹ) sẽ có tác động nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

#### **❖ Rủi ro về lãi suất**

Nợ vay ngân hàng chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của Công ty vì thế biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của Công ty. Bên

cạnh đó, quy chế cho vay của ngân hàng ngày càng nghiêm ngặt trong khi Công ty vẫn phải tiếp tục đầu tư để nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng quy mô sản xuất.

❖ **Rủi ro ngành**

Là ngành sản xuất và chế biến cao su thiên nhiên, lĩnh vực hoạt động của công ty chịu nhiều tác động của giá dầu mỏ thế giới do việc sử dụng các sản phẩm phụ của dầu mỏ để tổng hợp cao su nhân tạo vốn được sử dụng thay cho cao su thiên nhiên. Từ cuối tháng 12/2014 đến nay, do cuộc chiến giữa dầu đá phiến và dầu mỏ đã làm giá dầu có lúc xuống dưới 45USD/ thùng khiến giá cao su ngày càng giảm sâu. Ở lĩnh vực kinh tế tư nhân, nhiều nhà vườn đã ngưng khai thác do doanh thu không bù đắp nổi chi phí, có nơi thậm chí phá bỏ vườn cây chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Vì vậy rủi ro của công ty khi tiếp tục ngành nghề kinh doanh truyền thống là rất hiển nhiên.

**12.4 Rủi ro của đợt chào bán**

Khi chào bán cổ phiếu ra công chúng, giá cổ phiếu sẽ được xác định bằng quan hệ cung cầu của thị trường, chịu ảnh hưởng lớn bởi yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Vì vậy, giá cổ phiếu Công ty TNHH MTV Cao su Bình Dương sau khi cổ phần hóa, cũng không nằm ngoài quy luật chung của cả thị trường.

**12.5 Rủi ro khác**

Bên cạnh những rủi ro chính đã nêu ở trên, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu tác động bởi những rủi ro khác như: thiên tai, hỏa hoạn, ...

**13. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần**

❖ **Đối với người lao động trong công ty**

Tất cả CB-CNV đang làm việc tại công ty tính đến thời điểm 30/06/2014 được quyền mua cổ phần ưu đãi theo quy định: Mỗi năm công tác thực tế tại khu vực nhà nước được mua 100 cổ phần với giá ưu đãi là 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của công ty tính đến thời điểm 30/06/2014, thuộc đối tượng công ty cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài trong công ty trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp theo trong công ty nhưng tối

đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động với giá được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc giá bán thành công thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược (trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước). Những cổ phần ưu đãi mua thêm này sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

Phương thức bán và thanh toán: Ngay sau khi có kết quả đấu giá bán cổ phần ra bên ngoài (có kết quả giá đấu thành công bình quân), Công ty sẽ thông báo đến người lao động được mua cổ phần ưu đãi về thời gian, địa điểm thanh toán tiền mua cổ phần ưu đãi tại Văn phòng công ty.

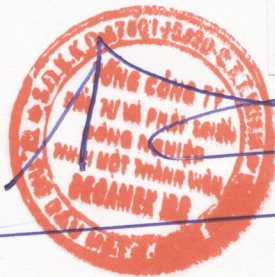
**❖ Đối với nhà đầu tư bên ngoài**

Tổng số cổ phần bán đấu giá công khai là **3.103.300** cổ phần được bán đấu giá công khai với giá khởi điểm là **10.100** đồng.01 cổ phần và được thực hiện thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE) với thông tin chi tiết sẽ được nêu tại Quy chế đấu giá bán cổ phần ra bên ngoài công ty TNHH MTV Cao su Bình Dương.

Phương thức bán và thanh toán: Sẽ thực hiện đấu giá công khai có cạnh tranh về giá và thời gian thanh toán mua cổ phần trúng đấu giá, hoàn trả tiền cọc không trúng đấu giá sẽ được thực hiện tại Quy chế đấu giá bán cổ phần ra bên ngoài do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM ban hành.

**Bình Dương, ngày 06 tháng 03 năm 2015**  
**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA**  
**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG**

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**



**NGUYỄN VĂN DÀNH**

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV CAO SU BÌNH DƯƠNG**

**GIÁM ĐỐC**



**TRẦN QUYẾT THẮNG**